

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 14 – CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 18 - 8 - 2025

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 14 – CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Đô

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Thành
2. Bà Trần Thị Kim Thắm

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Giàu – Thư ký của Tòa án nhân dân khu vực 14 – Cần Thơ.

Ngày 18 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 14 – Cần Thơ (sơ sở 2) xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 82/2025/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2025 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Hồ Thủy T, sinh năm 1999 (yêu cầu xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Trường T, xã Trường Long T, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang (nay là ấp Trường T, xã Trường Long T, thành phố Cần Thơ).

2. *Bị đơn:* Ông Phạm Việt D, sinh năm: 1964 (yêu cầu xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Trường T, xã Trường Long T, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang (nay là ấp Trường T, xã Trường Long T, thành phố Cần Thơ).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27/5/2025, quá trình tố tụng nguyên đơn bà Hồ Thủy T trình bày: Bà và ông Phạm Việt D tự quen biết nhau, qua thời gian tìm

hiếu thì ông bà tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2019, có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu ông bà chung sống rất hạnh phúc nhưng từ đầu năm 2024 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau, đỉnh điểm là đến tháng 3/2024 thì ông bà ly thân cho đến nay. Nhận thấy hôn nhân không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận bà và ông Phạm Việt D là vợ chồng.

Về con chung: Có 01 con chung tên Phạm Hồ Việt A (nam), sinh ngày 31/12/2020. Con chung đang sống cùng bà. Bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Bà không yêu cầu ông Phạm Việt D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Quá trình tố tụng bị đơn ông Phạm Việt D trình bày: Ông thống nhất với lời trình bày của bà Hồ Thủy T về quá trình chung sống với nhau như vợ chồng. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống và thường xuyên cự cãi nhau. Do hôn nhân không thể hàn gắn nên ông đồng ý yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận ông và bà Hồ Thủy T là vợ chồng.

Về con chung: Có 01 con chung tên Phạm Hồ Việt A (nam), sinh ngày 31/12/2020. Con chung đang sống cùng bà Hồ Thủy T. Ông đồng ý giao con chung cho bà Hồ Thủy T tiếp tục nuôi dưỡng. Ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Quá trình tố tụng nguyên đơn và bị đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt ngày 25/7/2025.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Bà Hồ Thủy T và ông Phạm Việt D tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng, không có đăng ký kết hôn theo quy định. Quá trình chung sống do phát sinh mâu thuẫn nên bà T yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông D; ông D cư trú tại ấp Trường T, xã Trường Long T, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang (nay là ấp Trường T, xã Trường Long T, thành phố Cần Thơ). Theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án năm 2025 thì xác định

quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là vụ án tranh chấp ly hôn, nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 14 – Cần Thơ.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, vắng mặt bà T và ông D nhưng các đương sự đã có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt ngày 25/7/2025 nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với bà T và ông D.

[3] Về nội dung giải quyết vụ án:

[3.1] Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn:

Hôn nhân giữa bà T và ông D được xây dựng trên cơ sở tự nguyện, bà T và ông D chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2019 mà không có đăng ký kết hôn theo luật định. Quá trình chung sống bà T và ông D phát sinh mâu thuẫn không giải quyết được, bà T cho rằng hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu không công nhận là vợ chồng với ông D. Ông D cho rằng hôn nhân không thể hàn gắn nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận ông và bà T là vợ chồng nên cho thấy hôn nhân của bà T và ông D đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T yêu cầu ly hôn với ông D là có cơ sở chấp nhận. Đến thời điểm Tòa thụ lý giải quyết các đương sự vẫn không đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Vì vậy khi giải quyết việc ly hôn, Hội đồng xét xử căn cứ theo khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 không công nhận bà T và ông D là vợ chồng.

[3.2] Xét về con chung: Bà Hồ Thủy T và ông Phạm Việt D khai thống nhất có 01 con chung tên Phạm Hồ Việt A (nam), sinh ngày 31/12/2020, hiện đang sống cùng bà Hồ Thủy T. Các đương sự đã thỏa thuận giao con chung cho bà Hồ Thủy T trực tiếp nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy sự thỏa thuận này là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội và bảo đảm quyền lợi chính đáng của con chưa thành niên, nên được chấp nhận. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông Phạm Việt D không ai được quyền cản trở.

[3.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Do bà Hồ Thủy T không yêu cầu nên ông Phạm Việt D không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Vì lợi ích của con khi cần thiết các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[3.4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Hồ Thủy T và ông Phạm Việt D khai thống nhất không có nên không xem xét.

[3.5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án buộc bà Hồ Thủy T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án năm 2025; Các Điều 14, Điều 15, Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Hồ Thủy T và ông Phạm Việt D là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao con chung tên Phạm Hồ Việt A (nam), sinh ngày 31/12/2020 cho bà Hồ Thủy T nuôi dưỡng. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông Phạm Việt D không ai được quyền cản trở.

3. Về cấp dưỡng: Do bà Hồ Thủy T không yêu cầu nên ông Phạm Việt D không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Vì lợi ích của con khi cần thiết các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Hồ Thủy T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Chuyển 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí bà Hồ Thủy T đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 19 ngày 27 tháng 5 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành A thành tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Hồ Thủy T, bị đơn ông Phạm Việt D có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ;
- VKSND khu vực 14 – Cần Thơ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Đô